

Requirement ID	Requirement	Priority	Acceptance Criteria	Related Artifacts
1	Đăng nhập	High	Người dùng có thể nhập thông tin đăng nhập hợp lệ (tên đăng nhập và mật khẩu).Hệ thống sẽ xác thực thông tin đăng nhập và cho phép truy cập nếu thông tin chính xác.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
2	Đăng ký	High	Người dùng có thể điền thông tin đăng ký cần thiết.Hệ thống sẽ tạo tài khoản mới sau khi người dùng hoàn thành đăng ký.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
3	Quên mật khẩu	High	Người dùng có thể yêu cầu đặt lại mật khẩu nếu họ quên mật khẩu hiện tại. Hệ thống sẽ cung cấp phương tiện để người dùng đặt lại mật khẩu	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
4	Tính lương	High	Quản lí được tính lương cho nhân viên dựa trên các thông tin liên quan.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
5	Sa thải	Low	Quản lí sa thải nhân viên khi cần thiết.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
6	Nhắn tin giữa nhân viên và bệnh nhân	Medium	Người dùng có thể gửi và nhận tin nhắn giữa nhân viên và bệnh nhân. Tin nhắn phải được gửi và nhận một cách đáng tin cậy	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
7	CRUD thông tin bệnh nhân	High	Quản lí có thể thêm, sửa đổi, xóa thông tin bệnh nhân. Thay đổi thông tin bệnh nhân phải phản ánh chính xác trong hệ thống.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
8	Thanh toán viện phí	High	Bệnh nhân có thể thực hiện thanh toán viện phí. Hệ thống phải xử lý thanh toán một cách chính xác và bảo mật.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
9	Xuất hóa đơn	Medium	Hệ thống có khả năng xuất hóa đơn cho viện phí và dịch vụ.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
10	CRUD lịch hẹn	High	Bệnh nhân hoặc nhân viên có thể thêm, sửa đổi, xóa lịch hẹn. Thay đổi lịch hẹn phải được cập nhật và hiển thị chính xác.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
11	Xem lịch sử khám bệnh	Medium	Bệnh nhân có thể xem lịch sử khám bệnh	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.

				Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
12	CRUD thông tin nhân viên	High	Quản lí có thể thêm, sửa đổi, xóa thông tin nhân viên.	
				Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
13	Quản lí lịch làm việc nhân viên	High	Quản lí phải hỗ trợ quản lý lịch làm việc của nhân viên	
				Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
14	Lập báo cáo tài chính	Medium	Quản lí phải có khả năng tạo báo cáo tài chính.	
				Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
15	Lập phiếu nhập xuất kho	Medium	Quản lí và nhà cung cấp phải có khả năng lập phiếu nhập và xuất kho cho hàng hóa và vật tư.	
				Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
16	Gửi thông báo nhắc lịch hẹn	Low	Nhân viên và bác sĩ phải có khả năng gửi thông báo nhắc lịch hẹn đến người dùng.	
				Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
17	CRUD đơn thuốc	High	Bác sĩ phải có khả năng thêm, sửa đổi, xóa thông tin về đơn thuốc	
				Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
18	In hồ sơ bệnh án	Medium	Hệ thống phải có khả năng in hồ sơ bệnh án của bệnh nhân.	
				Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
19	Lập kế hoạch bảo dưỡng thiết bị	Medium	Hệ thống phải hỗ trợ quản lí lập kế hoạch bảo dưỡng cho các thiết bị.	
				Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
20	CRUD voucher	High	Quản lí có thể thêm, sửa đổi, xóa thông tin về voucher.	
				Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
21	Phản hồi dịch vụ	Medium	Bệnh nhân có thể cung cấp phản hồi về dịch vụ.	
				Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
22	Lập kế hoạch điều trị cho bệnh nhân	High	Bác sĩ có khả năng lập kế hoạch điều trị cho bệnh nhân	

23	Theo dõi tiến độ kế hoạch điều trị	High	Bác sĩ và bệnh nhân khả năng theo dõi tiến độ kế hoạch điều trị của bệnh nhân.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
24	CRUD hợp đồng dịch vụ	Low	Quản lí có thể thêm, sửa đổi, xóa thông tin về hợp đồng dịch vụ.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
25	CRUD hợp đồng cung cấp vật tư	Low	Quản lí có thể thêm, sửa đổi, xóa thông tin về hợp đồng cung cấp vật tư.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.
26	CRUD thông tin phòng khám	High	Quản lí có thể thêm, sửa đổi, xóa thông tin về phòng khám.	Use case diagram: Mô tả các bước thực hiện của use case. Sequence diagram: Mô tả cách các đối tượng tương tác với nhau trong quá trình thực hiện use case. Activity diagram: Mô tả các hoạt động được thực hiện trong quá trình thực hiện use case. Class diagram: Mô tả các class và mối quan hệ giữa các class liên quan đến use case. Acceptance criteria: Các tiêu chí để xác định xem use case đã được hoàn thành hay chưa.